

Tạp chí

CÔNG ĐAN & KHUYẾN HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Day và Học NGÀY NAY

TODAY'S TEACHING & LEARNING MAGAZINE

ISSN 2815 - 5769

THÁNG 04/2026

■ **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ
THỜI KÌ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY**

APPLICATION OF INFORMATION TECHNOLOGY IN TEACHING AND LEARNING
FOREIGN LANGUAGES IN THE ERA OF THE 4.0 INDUSTRIAL REVOLUTION
IN UNIVERSITIES TODAY

BÙI THỊ THU HƯƠNG

■ **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH
CỦA GIẢNG VIÊN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

IMPROVING THE QUALITY OF SELF-CRITICISM AND CRITICISM
AMONG LECTURERS IN ACCORDANCE WITH HO CHI MINH THOUGHT

NGUYỄN TUẤN HIỆP

■ **CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG GIÁO DỤC
QUỐC PHÒNG - AN NINH: ĐỘNG LỰC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

DIGITAL TRANSFORMATION AND ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN NATIONAL DEFENSE
AND SECURITY EDUCATION: A DRIVING FORCE FOR IMPROVING TRAINING QUALITY
IN THE NEW CONTEXT

KHUẤT VĂN NAM

■ **CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI**

POLITICAL THEORY EDUCATION FOR STUDENTS AT UNIVERSITIES IN THE NEW ERA

NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Học Học nữa Học mãi!



THÁNG 04/2026

TỔNG BIÊN TẬP
Tô Quang Phán

BAN TẬP CHÍ IN
TRƯỞNG BAN

Trương Thị Thúy Hằng

PHÓ BAN
Nguyễn Thị Bích

TRÌNH BÀY
Ngô Tráng Kiện
Mạnh Hùng

Giá: 38.000 đ

Tạp chí

**CÔNG ĐAN
& KHUYẾN HỌC**

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Day và Học
NGÀY NAY

MỤC LỤC/ CONTENTS

• Tô Nguyệt Nga: Tác động của ChatGPT đối với hoạt động dạy học trong đào tạo sư phạm tại Trường Đại học An Giang/ <i>The impact of chatgpt on teaching and learning activities in teacher education at An Giang University</i>	95
• Đặng Văn Long: Nghiên cứu, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành Xe máy tại Trường Đại học Ngô Quyền/ <i>Research, Innovation, and Enhancement of Training Quality in the Automotive Engineering Discipline at Ngo Quyen University</i>	96
• Ngô Minh Nguyệt: Ứng dụng phương pháp “Học qua dự án” trong giảng dạy các học phần tài chính tại Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh/ <i>Applying the “Project-Based Learning” method in teaching Finance courses at the Academy of Security Engineering and Technology</i>	98
• Bế Diệu Hồng: Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thẩm mỹ trong giảng dạy môn Ngữ văn lớp 10 khối Giáo dục thường xuyên tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn/ <i>Some solutions to improve aesthetic effectiveness in teaching 10th grade literature in continuous education schools at Lang Son College</i>	100
• Hoàng Văn Mạnh: Phát triển năng lực tư duy khoa học cho học viên Học viện Cảnh sát nhân dân trong kỷ nguyên số hiện nay/ <i>Developing scientific thinking competence for students of the police academy in the current digital era</i>	102
• Vũ Thị Tuyết Chinh: Một số vấn đề về phương pháp nêu gương trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên hiện nay/ <i>Some issues regarding the method of exemplary role in political and ideological education for students today</i>	104
• Hoàng Minh Hưng: Nâng cao chất lượng tự học các môn khoa học xã hội và nhân văn của học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở các trường quân đội hiện nay/ <i>Improving the quality of self-study in social sciences and humanities for cadet officers trained at military schools today</i>	105
• Phan Thị Hải Hà: Một số vấn đề về nâng cao chất lượng tự học và nghiên cứu khoa học của sinh viên/ <i>Some issues regarding improving the quality of self-study and scientific research among students</i>	107
• Nguyễn Trần Thiện Khánh: Đánh giá thực trạng thực hiện tiêu chí môi trường trong quá trình xây dựng nông thôn mới của vùng miền núi tỉnh An Giang/ <i>Assessment of the status of environmental criteria implementation in the process of new rural construction in the mountainous area of An Giang province</i>	109
• Đào Anh Huy: Một số biện pháp phát huy hiệu quả tự học của sinh viên trong học tập môn Vật lý đại cương/ <i>Some measures to enhance the effectiveness of self-study in general physics</i>	111
• Nguyễn Việt Hà - Lê Bá Hạnh: Khảo sát quan hệ một số thông số đến an toàn vận hành đường sắt tốc độ cao/ <i>Survey of the relationship between several parameters and operational safety of high-speed railways</i>	112
• Trần Phiên: Vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam hiện nay/ <i>Issues related to agricultural and rural development in Vietnam today</i>	115
• Đỗ Đăng Quý - Nguyễn Thị Thuận: Phản bác quan điểm xuyên tạc, chống phá Nghị quyết 57-NQ/TW của Đảng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia/ <i>Refuting the distorted and subversive views against the Party's Resolution 57-NQ/TW on breakthroughs in national science, technology, innovation, and digital transformation</i>	117
• Đặng Đình Hùng: Trao đổi về định hướng vận dụng Nghị quyết Đại hội XIV vào trong giảng dạy môn Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Discussion on the orientation of applying the resolution of the XIV congress in the teaching of scientific socialism</i>	119
• Nguyễn Thị Kiều Mây: Xây dựng khung năng lực về tài chính kế toán nhằm định hướng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài chính kế toán cho ngành Công an/ <i>Developing a competency framework in finance and accounting to guide the training and professional development of finance and accounting personnel for the police force</i>	121
• Vũ Thị Bích Liên - Vũ Thị Cẩm Thúy: Nâng cao năng lực phát triển Chương trình giáo dục cho giáo viên mầm non/ <i>Enhancing preschool teachers' capacity for curriculum development in early childhood education</i>	123
• Trần Thị Hiền: Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Cao đẳng Lạng Sơn xây dựng bộ Quy tắc ứng xử ở trường mầm non thông qua học phần “Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ”/ <i>Guiding for preschool education students at Lang Son College on developing codes of conduct through the course “Cultural behavior education for children”</i>	126
• Đỗ Thị Hạnh - Đinh Thị Thương: Cải cách hành chính ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2000 - 2020: Thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm/ <i>Administrative reform in Ho Chi Minh city during the period 2000 - 2020: Achievements, limitations, and lessons learned</i>	128

• Tòa soạn: Tòa nhà TueMy, số 29/67 Đỗ Quang, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội
• Điện thoại: 2473.098.555 * ĐD: 0983081976 * dvh_nn@yahoo.com
• Tạp chí điện tử Công dân và Khuyến học * Email: toasoan@congdamkhuyenhoc.vn
• Giấy phép xuất bản: Số 114/GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 25/02/2022

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THẨM MỸ TRONG GIẢNG DẠY MÔN NGỮ VĂN LỚP 10 KHỐI GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN

BẾ DIỆU HỒNG
Trường Cao đẳng Lạng Sơn

Ngày nhận bài: 12/03/2026; Ngày phân biện, biên tập và sửa chữa: 24/03/2026; Ngày duyệt đăng: 07/04/2026

ABSTRACT

"Aesthetic education plays a central role in the Literature subject within the General Education Curriculum. However, teaching practices for 10th-grade Continuing Education students at Lang Son College indicate limited effectiveness due to student characteristics and inappropriate instructional methods. Based on an analysis of the current situation and theoretical foundations, this study proposes three solutions integrated with the 'Connecting Knowledge to Life' textbook series. These solutions ensure feasibility, suit practical conditions, and contribute to enhancing the quality of Literature education in the Continuing Education system."

Key words: Aesthetic education, Grade 10 Literature, continuing education, Kết nối tri thức với cuộc sống, teaching solutions.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong Chương trình giáo dục phổ thông, môn Ngữ văn giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ và nhân cách cho người học. Thông qua việc tiếp cận các tác phẩm văn học, học sinh (HS) được bồi dưỡng tình cảm nhân văn, khả năng cảm thụ cái hay, cái đẹp và ý thức gìn giữ các giá trị văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, thực tiễn giảng dạy môn Ngữ văn lớp 10 tại khối Giáo dục thường xuyên (GDTX) tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn cho thấy hiệu quả giáo dục thẩm mỹ còn chưa cao. Phần lớn HS có nền tảng kiến thức không đồng đều, khả năng đọc - hiểu và cảm thụ văn học còn hạn chế, động cơ học tập chưa rõ ràng. Bên cạnh đó, việc tổ chức các hoạt động dạy học ở một số tiết học vẫn thiên về truyền thụ kiến thức, chưa thực sự chú trọng khơi gợi cảm xúc và trải nghiệm thẩm mỹ của người học. Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thẩm mỹ trong giảng dạy môn Ngữ văn cho HS hệ GDTX là yêu cầu cấp thiết. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm góp phần nâng cao hiệu quả thẩm mỹ trong giảng dạy môn Ngữ văn lớp 10 khối GDTX tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề

1.1. Cơ sở lý luận

Giáo dục thẩm mỹ là bộ phận hữu cơ của giáo dục toàn diện, có vai trò quan trọng trong hình thành và phát triển nhân cách. Theo các quan điểm giáo dục hiện đại, giáo dục thẩm mỹ không chỉ bồi dưỡng năng lực cảm thụ, đánh giá cái đẹp mà còn góp phần phát triển tư duy sáng tạo, năng lực nhân văn và thái độ sống tích cực. Trong dạy học Ngữ văn, nội dung này được thể hiện thông qua quá trình hướng dẫn HS khám phá giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, cảm nhận vẻ đẹp ngôn từ, hình tượng và tư tưởng nhân văn.

Các lý thuyết dạy học lấy người học làm trung tâm khẳng định vai trò chủ thể tiếp nhận của HS trong quá trình cảm thụ văn học. Tiếp nhận văn học là quá trình tương tác giữa người học với văn bản và giáo viên, trong đó trải nghiệm thẩm mỹ cá nhân giữ vị trí cốt lõi. Bản chất của hoạt động này là sự chiếm lĩnh đối tượng thẩm mỹ thông qua cảm xúc; những trạng thái như rung động, đồng cảm hay xúc động tạo điều kiện hình thành sự hòa đồng thẩm mỹ và "Điểm cao nhất của tiếp nhận thẩm mỹ đi kèm với một cảm xúc thẩm mỹ sâu sắc, có thể gọi là thanh lọc" [1, tr.1716]. Khi được khuyến khích bày tỏ cảm nhận riêng, HS sẽ phát triển năng lực cảm thụ sâu sắc và bền vững hơn.

Tác phẩm văn chương (TPVC) trong nhà trường là đối tượng dạy học đặc thù, kết hợp tính khoa học và tính nghệ thuật. Do đó, đổi mới phương pháp theo hướng phát huy vai trò chủ thể của HS là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả giáo dục thẩm mỹ.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm gần đây, dạy học Ngữ văn, đặc biệt là dạy học TPVC thu hút sự quan tâm của xã hội khi HS có xu hướng giảm hứng thú và bộc lộ dấu hiệu suy giảm chất lượng nhân văn. Bên cạnh tác động của kinh tế thị trường và công nghệ thông tin làm thay đổi định hướng nghề nghiệp, thị hiếu học tập, nguyên nhân cốt lõi được xác định là khuynh hướng dạy học thiên về tiếp cận xã hội học, xa rời đặc trưng thẩm mỹ của môn học. Việc chú trọng nội dung lịch sử, chính trị, đạo đức mà xem nhẹ giá trị nghệ thuật và trải nghiệm cảm xúc khiến giờ học thiên về lý trí, thiếu chiều sâu rung cảm.

Thực tiễn giảng dạy Ngữ văn lớp 10 hệ GDTX tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn cho thấy nhiều hạn chế: HS thiếu thói quen tự học, ít chuẩn bị bài, ngại

bày tỏ quan điểm; năng lực cảm thụ thẩm mỹ còn yếu và chủ yếu tiếp cận văn bản theo hướng ghi nhớ kiến thức. Khả năng liên hệ, so sánh và biểu đạt cảm xúc chưa rõ nét, làm giảm tính tương tác của giờ học. Đặc thù người học đa dạng về độ tuổi, hoàn cảnh, nhiều em vừa học vừa làm cũng ảnh hưởng đến thời gian tự học và tích lũy vốn sống. Những yếu tố trên làm cho hiệu quả giáo dục thẩm mỹ chưa đạt mục tiêu, đòi hỏi các giải pháp đổi mới nhằm khơi dậy hứng thú và phát triển năng lực cảm thụ văn học cho HS.

2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thẩm mỹ trong giảng dạy môn Ngữ văn lớp 10

2.1. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy cảm xúc và trải nghiệm thẩm mỹ của học sinh

Đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn theo hướng phát huy cảm xúc và trải nghiệm thẩm mỹ của HS là yêu cầu quan trọng của chương trình giáo dục phổ thông mới. Bộ SGK Ngữ văn 10 - Kết nối tri thức với cuộc sống đã thể hiện rõ định hướng này thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập gắn với cảm xúc cá nhân và trải nghiệm đời sống của người học. Thay vì tiếp cận văn bản theo lối phân tích áp đặt, sách chú trọng khơi gợi sự rung động, đồng cảm và khả năng cảm thụ thẩm mỹ của HS. Vì vậy, GV cần chủ động tổ chức các hoạt động học tập đa dạng như:

- Định hướng HS vào thông điệp thẩm mỹ của TPVC ngay từ khâu chuẩn bị bài ở nhà: Đối với bộ môn Văn, công việc chuẩn bị bài ở nhà là khâu hết sức quan trọng. Bởi từ khâu này, HS bắt đầu chính thức tiếp xúc với tác phẩm và hoàn toàn độc lập trình bày cách hiểu của mình về tác phẩm.

+ Xây dựng hệ thống câu hỏi định hướng vào mạch tư tưởng, cảm xúc, phong cách của tác phẩm văn chương: ngoài hệ thống câu hỏi chuẩn bị bài có sẵn trong SGK, GV cần cung cấp cho HS những câu hỏi định hướng vào mạch tư tưởng, cảm xúc, phong cách của tác giả. Câu hỏi đảm bảo các tiêu chuẩn: phát triển cảm xúc cho HS, gợi được tâm thế học tập, hứng thú thẩm mỹ trước tác phẩm của HS.

Ví dụ: khi dạy truyện ngắn "Chữ người tử tù" (Nguyễn Tuân), GV có thể giao cho HS hệ thống câu hỏi định hướng học ở nhà như: Khi đọc đoạn miêu tả cảnh cho chữ, em hình dung không gian ấy như thế nào? Cảm xúc đầu tiên của em là gì? Vì sao Nguyễn Tuân lại đặt cảnh cho chữ - biểu tượng của cái đẹp - trong một nhà ngục tối tăm? Điều đó thể hiện quan niệm thẩm mỹ gì của nhà văn? Em cảm nhận được phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân qua ngôn ngữ và hình ảnh trong tác phẩm ra sao?

Những câu hỏi này buộc HS phải đọc kỹ văn bản, huy động trí tưởng tượng, liên tưởng và khả năng tái hiện hình ảnh nghệ thuật, từ đó từng bước khám phá vẻ đẹp tư tưởng và phong cách tài hoa, uyên bác của tác giả.

+ Định hướng cho HS sưu tầm các tài liệu học tập cũng như phát biểu một số quan niệm, các cảm xúc riêng về tác phẩm: Để mở rộng hiểu biết về bài thơ "Thu hứng" của tác giả Đỗ Phủ, GV có thể giao nhiệm vụ cho HS: Tìm các nguồn tư liệu ngoài SGK như: Tư liệu về Đỗ Phủ: tiểu sử, hoàn cảnh sáng tác, phong cách thơ Đường. Sưu tầm ảnh, video về cảnh sắc mùa thu Nhật Bản/Trung Quốc/Việt Nam - liên hệ với không gian thiên nhiên trong thơ. Những bài bình luận, phân tích thơ Đỗ Phủ từ sách giáo khoa nâng cao, website học thuật hoặc thư viện trường.

Việc sưu tầm này giúp HS tự thu thập tư liệu phong phú, hình thành kiến thức nền về bối cảnh văn học và mở rộng hiểu biết liên văn bản.

- Thiết lập bầu không khí văn chương suốt giờ học: Bầu không khí văn chương phải được duy trì trong suốt giờ học: từ hoạt động khởi động, quá trình đọc hiểu tác phẩm đến khi kết thúc giờ. Nếu GV và HS thoát li khỏi bầu không khí văn chương ấy sẽ dễ rơi vào hoạt động nhận thức lý trí đơn thuần khi học Văn. Sau đây là một số biện pháp thiết lập bầu không khí văn chương:

+ Tạo không khí ban đầu: GV có thể tiến hành bước khởi động giờ học bằng nhiều cách như tạo không khí bằng cách vào bài ấn tượng, mang đậm chất nghệ thuật, có khả năng lôi cuốn người học. Hoạt động vào bài sẽ tạo tâm thế cho cả GV và HS.

Tạo không khí ban đầu bằng những lời giới thiệu hay, gây ấn tượng để đưa HS vào trường cảm xúc của GV và nhà văn. Bởi tâm lý con người thường bị thu hút, lôi cuốn bởi những lời hay, ý đẹp, những cách nói độc đáo, ấn tượng. Do đó, việc dẫn dắt HS vào bài trở thành nghệ thuật sư phạm của người GV.

Tạo không khí ban đầu bằng ứng dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại để tạo sự chú ý, tạo không khí hứng thú cho HS. Bằng những hình ảnh, âm thanh, màu sắc... trực quan sinh động, các phương tiện kỹ thuật hiện đại có thể tác động cùng một lúc tới nhiều giác quan của HS. Điều đó khiến các em tạm gác những mối quan tâm cá nhân để tập trung sự chú ý vào bài học. Dạy đoạn trích chèo "Xúy Vân giả thuật chèo và đoạn chèo trong vở "Kim Nham" đã được HS hết sức yêu thích tạo thêm thành công cho giờ học.

+ Tạo không khí bằng hoạt động đọc diễn cảm: Đọc diễn cảm là phương thức quan trọng nhằm làm nổi bật vẻ đẹp hình thức của tác phẩm văn học, đặc biệt ở thể nhịp điệu, người đọc chuyển hóa hệ thống kí hiệu ngôn từ thành chuỗi âm thanh tiếp đến người tiếp nhận, khơi dậy những rung cảm thẩm mĩ thuần khiết và tạo điều kiện cho việc tri giác giá trị văn chương một cách sâu sắc hơn.

- Tạo dư âm khi kết thúc giờ học: Nhiều GV đã đơn giản hóa phần kết thúc giờ học bằng cách tổng kết sơ sài nội dung và nghệ thuật, giao bài tập về nhà cho HS mà ít chú ý đến việc tạo ấn tượng cuối cùng để giờ học còn đọng mãi trong trí nhớ HS về cái hay, cái đẹp của tác phẩm khiến các em hứng thú tìm hiểu thêm về nó.

+ Giáo viên cho HS nhập vai tác giả nói về tác phẩm của mình hoặc đóng vai nhân vật trong tác phẩm: Đóng vai là cách đưa HS vào vị trí của tác giả hoặc nhân vật để cùng trải nghiệm, cùng chia sẻ với nhà văn và con người trong tác phẩm về những suy nghĩ, những cách ứng xử trong cuộc sống. HS có thể mang vào đó cách cảm, cách nghĩ, cách ứng xử của riêng mình trên cơ sở tôn trọng ý nghĩa khách quan của tác phẩm và ý đồ chủ quan của nhà văn. Đây chính là tiền đề để HS phát huy được khả năng đồng sáng tạo của mình.

Đóng vai tác giả là biện pháp HS nhập vai người sáng tác để trao đổi, tranh luận với các bạn HS khác hoặc phát biểu, bộc lộ quan điểm, thái độ về nhân vật, tình tiết trong tác phẩm... Hình thức tổ chức là một HS đảm nhiệm vai trò tác giả, những HS khác là bạn đọc - những người sẽ đặt cho HS này các câu hỏi về chủ đề, bút pháp nghệ thuật, dụng ý tư tưởng hay yêu cầu HS đang vào vai tác giả giải trình một số vấn đề về kết cấu, hành động của nhân vật, giải thích ý nghĩa của các đoạn triết lí...

+ Tạo điều kiện cho HS bộc lộ những cảm xúc cá nhân về tác phẩm: Đây là giải pháp mang tính đặc thù của giờ học TPVC, thể hiện tập trung nhất quan điểm lấy HS là bạn đọc đồng sáng tạo trong giờ học TPVC. Do đó, GV cần xử lí tình huống sư phạm khéo léo trong quá trình kết hợp hài hòa sự cảm thụ tác phẩm của mình với vai trò tổ chức hướng dẫn HS cảm thụ. GV có thể lựa chọn trong tác phẩm, những vấn đề thực sự dễ xây dựng tình huống có vấn đề nhằm thúc đẩy HS bộc lộ thái độ, nhận thức và rút ra bài học sống, triết lí sống đúng đắn.

2.2. Tăng cường sử dụng phương tiện trực quan và tư liệu hỗ trợ trong dạy học Ngữ văn

Chương trình Ngữ văn 10 trong bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống hướng tới phát triển phẩm chất và năng lực người học, trong đó năng lực cảm thụ và sáng tạo thẩm mĩ giữ vai trò trung tâm. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy cho thấy nếu chỉ khai thác văn bản qua hệ thống câu hỏi - đáp truyền thống, giờ học dễ rơi vào tình trạng khô khan, thiếu rung cảm.

- Sử dụng hình ảnh - video để tái hiện không gian nghệ thuật: Theo quan điểm thi pháp học, không gian nghệ thuật là phạm trù cấu thành thể giới hình tượng, thể hiện quan niệm thẩm mĩ và cách tổ chức hiện thực của nhà văn; đó không chỉ là bối cảnh vật lí mà còn hàm chứa ý nghĩa biểu tượng, tâm trạng và tư tưởng. Vì vậy, hỗ trợ HS hình dung rõ không gian nghệ thuật đồng nghĩa với việc tạo điều kiện tiếp cận cấu trúc nội tại của văn bản. Tuy nhiên, ở bậc trung học phổ thông, khả năng liên tưởng đối với những bối cảnh xa lạ về thời gian, địa lí và văn hóa còn hạn chế. Việc sử dụng bản đồ, tranh ảnh, phim tư liệu hoặc video minh họa góp phần cụ thể hóa yếu tố trừu tượng, rút ngắn khoảng cách giữa thế giới nghệ thuật và trải nghiệm sống của HS, đồng thời vận dụng hiệu quả nguyên lí trực quan trong dạy học "với mục đích làm quen để "đánh đường" vào tác phẩm" [2, tr.119]. Khi được lựa chọn và định hướng hợp lí, tư liệu trực quan không thay thế hoạt động đọc mà hỗ trợ làm nổi bật giá trị nội dung và nghệ thuật, qua đó nâng cao hiệu quả cảm thụ và chất lượng giờ học.

- Sử dụng âm thanh và nghệ thuật trình diễn: Từ góc độ lí luận dạy học văn, âm thanh và nghệ thuật trình diễn là những phương tiện có khả năng kích hoạt mạnh mẽ cơ chế cảm xúc - thẩm mĩ của người học. Việc sử dụng âm thanh (đọc diễn cảm, ngâm thơ, nhạc nền) và các hình thức sân khấu hóa chính là phương thức cụ thể hóa văn bản, tạo điều kiện để HS chuyển từ tiếp nhận tri thức sang trải nghiệm nghệ thuật. Đồng thời, nguyên lí trực quan và nguyên lí tích hợp đa phương tiện trong giáo dục hiện đại cũng khẳng định vai trò của kênh thính giác và hoạt động nhập vai trong việc nâng cao hiệu quả cảm thụ.

+ Đọc diễn cảm kết hợp nhạc nền: Chẳng hạn, khi dạy văn học trung đại, cụ thể là dạy "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi, đặc điểm thể cáo, vốn gắn với tính chất hùng biện, trang trọng và giàu nhịp điệu. Khi văn bản được tái hiện bằng giọng đọc phù hợp, kết hợp âm thanh nền có tính chất tương ứng, giá trị biểu cảm và khi thể nghệ thuật sẽ được tăng cường đáng kể. Âm thanh ở đây không thay thế hoạt động phân tích mà đóng vai trò phương tiện khơi gợi cảm xúc, giúp HS tiếp cận chiều sâu tư tưởng của tác phẩm.

+ Sân khấu hóa văn bản: Sân khấu hóa văn bản là một hình thức tổ chức dạy học dựa trên nguyên lí hoạt động và trải nghiệm, phù hợp với định hướng phát triển năng lực trong chương trình Ngữ văn hiện hành. Từ góc độ lí luận tiếp nhận, việc nhập vai và trình diễn giúp người học chuyển từ vị thế "độc giả bên ngoài" sang chủ thể tham dự vào quá trình kiến tạo ý nghĩa. Sân khấu hóa không chỉ là phương tiện minh họa mà còn là con đường tiếp cận đúng với bản chất nghệ thuật của tác phẩm.

- Khai thác tư liệu hỗ trợ và liên ngành: Khai thác tư liệu hỗ trợ và vận dụng tri thức liên ngành là một định hướng quan trọng của dạy học Ngữ văn theo tiếp cận tích hợp. Từ góc độ lí luận, văn học không tồn tại như một hệ thống khép kín mà luôn vận động trong mối quan hệ hữu cơ với lịch sử, địa lí, văn hóa và các loại hình nghệ thuật khác.

+ Liên hệ với Lịch sử - Địa lí: Ví dụ, việc tích hợp tri thức Lịch sử và Địa lí trong dạy học văn bản sử thi có cơ sở từ đặc trưng thể loại và bối cảnh ra đời của tác phẩm. Sử thi cổ đại phản ánh những biến cố lịch sử - huyền thoại gắn với đời sống bộ lạc và chiến tranh, trong đó không gian địa lí và hoàn cảnh lịch sử giữ vai trò quan trọng trong việc kiến tạo hình tượng anh hùng. Theo quan điểm tiếp cận văn hóa - lịch sử, việc tái hiện bối cảnh chiến tranh thành Tơ-roa và đặc điểm xã hội Hy Lạp cổ đại sẽ giúp HS hiểu đúng hệ giá trị chi phối hành động nhân vật, đặc biệt là quan niệm về danh dự, nghĩa vụ và vinh quang.

+ Liên hệ với các loại hình nghệ thuật khác: Việc liên hệ văn bản Ngữ văn với các loại hình nghệ thuật khác dựa trên quan điểm tích hợp và lí thuyết liên ngành trong nghiên cứu nghệ thuật. Văn học, sân khấu, hội họa, điện ảnh tuy sử dụng những hệ thống kí hiệu khác nhau nhưng đều hướng tới kiến tạo hình tượng thẩm mĩ. Khi tác phẩm văn học được sân khấu hóa, quá trình chuyển thể đã tạo ra sự thay đổi phương thức biểu đạt, từ ngôn ngữ viết sang ngôn ngữ hình thể, âm thanh, ánh sáng và không gian trình diễn.

Trường hợp trích đoạn chèo "Xúy Vân giả đại" có thể xem là minh chứng tiêu biểu. Sự đối chiếu giữa văn bản và hình thức sân khấu hóa cho thấy sự khác biệt về phương thức thể hiện: văn học thiên về phân tích tâm lí qua ngôn từ, trong khi chèo nhấn mạnh tính trình diễn và biểu cảm trực quan. Hoạt động liên hệ liên ngành không chỉ giúp HS hiểu sâu giá trị hiện thực, nhân đạo của tác phẩm mà còn nhận thức được sự vận động của nghệ thuật truyền thống trong đời sống đương đại, qua đó mở rộng không gian trải nghiệm thẩm mĩ và bồi dưỡng ý thức trân trọng di sản văn hóa dân tộc.

2.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng chú trọng năng lực cảm thụ thẩm mĩ

Theo định hướng phát triển năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đánh giá không chỉ nhằm xác định mức độ tái hiện kiến thức mà phải đo lường được khả năng vận dụng, sáng tạo và biểu đạt cảm xúc thẩm mĩ của HS.

- Đổi mới từ khâu ra đề: Thiết kế câu hỏi mở, định hướng thẩm mĩ: Trong thực tiễn, nhiều đề kiểm tra vẫn yêu cầu HS "phân tích", "chứng minh" theo cấu trúc quen thuộc, dễ dẫn đến học thuộc vắn mẫu. Để phát triển năng lực cảm thụ thẩm mĩ, đề bài nên hướng tới những yêu cầu khơi gợi cảm xúc và khả năng lí giải giá trị nghệ thuật, khả năng kiến tạo ý nghĩa của người học. Từ góc độ lí luận tiếp nhận, tác phẩm văn học không chỉ cung cấp thông tin mà còn tạo ra những "khoảng trống" để người đọc tham gia đồng sáng tạo.

- Đổi mới từ khâu chấm bài: Xây dựng tiêu chí đánh giá theo năng lực: Song song với đổi mới ra đề, khâu chấm bài cần được thực hiện trên cơ sở rubric (bảng tiêu chí) rõ ràng. Thay vì chấm điểm theo số lượng ý có trong đáp án, GV có thể đánh giá theo các mức độ:

1. Nhận diện đúng vấn đề thẩm mĩ (3 điểm): HS xác định được giá trị nhân đạo thể hiện ở sự cảm thông sâu sắc với số phận người nghèo, thái độ trân trọng phẩm giá con người của nhà văn.

2. Phân tích hiệu quả nghệ thuật (3 điểm): Bài viết làm rõ nghệ thuật miêu tả không gian ngôi nhà chật hẹp, tối tăm; giọng điệu trầm lắng; chi tiết giàu sức gợi về cuộc sống cơ cực. HS biết lí giải vì sao những yếu tố ấy tạo nên sắc thái xót thương mà không bi lụy, góp phần làm nổi bật tâm lòng nhân ái của tác giả.

3. Thể hiện cảm xúc và quan điểm cá nhân có căn cứ (2 điểm): HS bày tỏ sự đồng cảm chân thành với mẹ Lê, có thể liên hệ với hoàn cảnh xã hội đương thời, nhưng vẫn bám sát văn bản.

4. Diễn đạt mạch lạc, giàu sắc thái biểu cảm (2 điểm): Bố cục rõ ràng, lập luận logic, ngôn ngữ trong sáng.

Chẳng hạn, một bài viết không liệt kê đầy đủ mọi chi tiết nhưng phân tích sâu sắc hình ảnh ngôi nhà như biểu tượng của kiếp người nghèo khổ và thể hiện được sự rung cảm tinh tế trước tâm lòng của Thạch Lam vẫn có thể đạt điểm cao. Cách chấm theo tiêu chí như vậy giúp tôn trọng tiếng nói cá nhân,

(Xem tiếp trang 110)

- Chi tiêu 17.2: Trên địa bàn xã An Cư có 24/25 hộ đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đạt 96% (đạt so với tiêu chuẩn quy định $\geq 95\%$).

- Chi tiêu 17.3: Đối với chỉ tiêu xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn, không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung, trên địa bàn xã có thực hiện chỉ tiêu này và đã đạt so với tiêu chuẩn quy định. Tại xã, thùng rác được trang bị ở các đường xã, liên xã. Các hoạt động dọn dẹp vệ sinh và phát hoang bụi rậm quanh nhà và khu vực được thực hiện do xã tổ chức hoặc cá nhân hộ gia đình tự dọn dẹp.

- Chi tiêu 17.4: Tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là một tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá mức độ phát triển bền vững của các xã nông thôn mới. Với yêu cầu lớn hơn hoặc bằng $2\text{ m}^2/\text{người}$, tại xã đạt đạt theo tiêu chuẩn quy định. Tiêu chí này không chỉ đảm bảo môi trường sống xanh, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện sức khỏe cộng đồng và tạo ra không gian sinh hoạt chung cho người dân.

- Chi tiêu 17.5: Chỉ tiêu đạt đạt theo tiêu chuẩn quy định. xã An Cư có rất đông đồng bào dân tộc Khmer. Hòa táng là một nghi lễ quan trọng trong văn hóa và tôn giáo của người Khmer. Mặc dù hòa táng là một truyền thống lâu đời, nhưng với sự thay đổi của xã hội và môi trường, người Khmer cũng đã có những điều chỉnh phù hợp với thực tế. Hiện nay, ở một số nơi, nghi thức hòa táng có thể được thực hiện tại các lò hòa táng hiện đại, vừa đảm bảo tính vệ sinh, vừa phù hợp với quy định của chính quyền địa phương. Theo kết quả phỏng vấn có 100% người được phỏng vấn ở xã An Cư đồng ý về việc xây dựng nghĩa trang tập trung tại xã. Từ đó, có thể thấy rằng ý thức cộng đồng về việc thay đổi phương thức mai táng đang dần hình thành.

- Chi tiêu 17.6: Tỷ lệ số hộ tham gia mạng lưới thu gom rác tại xã đạt tỷ lệ 85,10% (đạt so với tiêu chuẩn quy định $\geq 85\%$). Kết quả phỏng vấn cho thấy, đa số hộ dân tham gia dịch vụ thu gom rác do Công ty Cổ Phần Môi trường Đô thị phụ trách và một số ít còn lại vẫn còn áp dụng các biện pháp tự xử lý chưa hợp vệ sinh như đốt và chôn lấp rác.

- Chi tiêu 17.8: Tỷ lệ số hộ dân có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 79,43% (đạt so với tiêu chuẩn quy định $\geq 70\%$). Đây là một kết quả rất tích cực, vượt xa mức quy định tối thiểu, cho thấy nỗ lực và hiệu quả của các chính sách hỗ trợ và khuyến khích cải thiện điều kiện vệ sinh tại địa phương.

- Chi tiêu 17.9: Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi trên địa bàn xã đảm bảo vệ sinh thú y và BVMT là 86,49% (đạt so với tiêu chuẩn quy định $\geq 70\%$).

- Chi tiêu 17.10: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm tại xã đạt 100% (đạt so với tiêu chuẩn quy định $\geq 100\%$). Điều này cho thấy có sự đồng bộ trong công tác quản lý và nhận thức của cộng đồng về việc đảm bảo an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, để duy trì và nâng cao chất lượng, các xã cần tiếp tục thực hiện các biện pháp giám sát thường xuyên và cập nhật các quy định mới để phù hợp với yêu cầu hiện tại.

Bên cạnh đó, ngoài các chỉ tiêu đã đạt thì tại xã còn 3/12 chỉ tiêu chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định như:

- Chi tiêu 17.7: Tỷ lệ số bao gói thuốc BVTV và CTR y tế được thu gom so với khối lượng phát sinh là 28,57%. Chỉ tiêu này chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định 100% do hiện nay người dân vẫn giữ thói quen tự xử lý vỏ bao bì thuốc BVTV và xã chưa tổ chức hoạt động thu gom riêng loại rác thải này và chưa có sự tuyên truyền sâu rộng.

- Chi tiêu 17.11: Cả hai xã đều đã tổ chức phân loại rác tại các hộ gia đình. Tỷ lệ số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn là 4,1% (chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định $\geq 30\%$). Chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình được phân loại đơn giản thành hai loại rác thải có khả năng tái chế, tái sử dụng và rác thải còn lại. Theo đánh giá của người dân địa phương, cả hai xã đều chưa thường xuyên tổ chức hoạt động truyền thông, hướng dẫn về phân loại rác, chỉ ở mức độ thỉnh thoảng (tỷ lệ 90% theo kết quả phỏng vấn). Nguyên

nhân là do UBND xã có nhiều nhiệm vụ để thực hiện chưa đảm bảo nhân lực và kinh phí để tập trung riêng cho hoạt động phân loại rác.

- Chi tiêu 17.12: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 30,31% (chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định $\geq 50\%$). Tốc độ phân hủy của nhựa trong điều kiện tự nhiên (Dương Thanh Nghị và cộng sự, 2019). Rác thải nhựa còn gây tổn hại cho hệ sinh thái, làm ô nhiễm đất đai và nguồn nước, cản trở sự phát triển của cây trồng và các sinh vật khác. Kết quả còn cho thấy, việc có tận dụng rác thải nhựa để bán tái chế, để mang lại lợi ích kinh tế cho gia đình ở xã An Cư chỉ có 20%, sự quan tâm của người dân về vấn đề này còn thấp.

Kết quả phỏng vấn cho thấy có 99% người dân được phỏng vấn tại xã An Cư có nghe nói và biết về xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên theo chia sẻ của người dân họ chỉ biết một cách chung chung nội dung của nông thôn mới là để chương trình thúc đẩy nông thôn phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống và cảnh quan sạch đẹp hơn. Người dân chưa hiểu rõ về các chỉ tiêu cần đạt, cũng như họ cần phải làm gì để đóng góp vào xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra, những hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường đã được triển khai nhiều nhờ vào nỗ lực của địa phương, nhưng thực tế vẫn chưa đáp ứng đủ so với nhu cầu do số hộ dân khá đông, ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn thấp, sự quan tâm của các bên liên quan cho các vấn đề môi trường chưa cao. Hình thức của công tác tuyên truyền đôi lúc chưa thực quan, sinh động. Nguồn ngân sách còn hạn chế, phải cân đối thực hiện đầu tư cùng lúc nhiều lĩnh vực và thiếu nguồn nhân lực để thực hiện.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Xây dựng nông thôn mới nhằm tạo giá trị mới của nông thôn Việt Nam. Đây là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đô thị hóa đất nước. Kết quả cho thấy xã An Cư đạt 9/12 chỉ tiêu gồm các chỉ tiêu 17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.8, 17.9, 17.10 và 3/2 chỉ tiêu chưa đạt gồm các chỉ tiêu 17.7, 17.11 và 17.1. Nguyên nhân chủ yếu do còn hạn chế về điều kiện kinh phí, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, năng lực quản lý còn hạn chế, nhận thức của người dân còn thấp, khó khăn trong thay đổi thói quen sống của người dân. Nghiên cứu đề xuất giải pháp cần cải thiện công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, đa dạng hóa nguồn vốn huy động để thực hiện, nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới, ứng dụng các mô hình thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại, tận dụng phế phẩm nông nghiệp để phân hữu cơ, làm thức ăn gia súc, gia cầm,... nhằm thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nông thôn mới tại xã. Từ đó, mang lại cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thanh Nghị, Đinh Hải Ngọc và Lê Văn Nam (tháng 11, 2019), Tổng quan hạt vi nhựa (microplastics) trong môi trường biển. Hội thảo khoa học quốc tế "Ô nhiễm rác thải nhựa trên biển Việt Nam: Thực trạng và giải pháp", Hà Nội.
2. Đỗ Thị Tâm, Vũ Thị Xuân, Xuân Thị Thu Thảo, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Trương Đỗ Thùy Linh, Tô Thủy Nga (2024), Đánh giá tình hình thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm Nghiệp, 13(5), tr.146-15.
3. Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Hồng Viên, Chu Thị Hồng Huyền. (2021), Đánh giá tình hình thực hiện tiêu chí Môi trường và An toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới tại xã Hợp Tiến, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 226(18), tr.185-192.
4. Nguyễn Văn Thịnh và Trần Thị Thanh Bình. (2021), Xây Dựng nông thôn mới Bền Vững gắn Với đô thị hóa đến năm 2030, tầm nhìn 204. Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam, số 10, tr.42-45.
5. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. (2022), Quyết định 1260/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP...

(Tiếp theo trang 101)

khuyến khích tư duy độc lập và phản ánh đúng năng lực cảm thụ thẩm mỹ của HS.

III. KẾT LUẬN

Như vậy, nâng cao hiệu quả giáo dục thẩm mỹ trong giảng dạy Ngữ văn lớp 10 đối với hệ GDTX tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay. Trên cơ sở định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của Chương trình Ngữ văn 2018, việc đề xuất và triển khai các giải pháp phù hợp với đặc điểm người học hệ GDTX có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Ba giải pháp được xác lập không chỉ bảo đảm tính khả thi trong điều kiện dạy học cụ thể mà còn hướng tới việc khắc phục những hạn chế về hứng thú, khả năng tự học và năng lực cảm thụ văn học của HS.

Việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo các giải pháp này trong tổ chức hoạt động dạy học sẽ góp phần tăng cường trải nghiệm thẩm mỹ, khơi dậy sự đồng cảm và phát triển khả năng biểu đạt cảm xúc của người học. Qua đó, chất lượng dạy học Ngữ văn được nâng cao, đồng thời hỗ trợ quá trình hình thành nhân cách, bồi dưỡng giá trị nhân văn và năng lực tiếp nhận nghệ thuật cho HS hệ GDTX trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Đức Hiểu (2004). Từ điển Văn học (Bộ mới), Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Nguyễn Thanh Hùng (2002). Đọc và tiếp nhận văn chương, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Sách giáo khoa Ngữ văn 10. Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Phương Lưu, Trần Đình Sử, Lê Ngọc Trà, Nguyễn Xuân Nam, La Khắc Hòa, Thành Thế Thái Bình (1977), Lý luận văn học, Nxb Giáo dục, Hà Nội.